

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 162/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai;

Căn cứ Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 13/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 07/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Công văn số 41/TWPC TT ngày 27/02/2018 của Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai về việc tăng cường công tác tham mưu, điều hành phòng, chống thiên tai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2995/SNN-TL ngày 16 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2.

1. Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Phương án được phê duyệt kèm theo Quyết định này; chịu trách nhiệm



trước pháp luật và UBND tỉnh về kết quả, nội dung triển khai thực hiện; định kỳ, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét chỉ đạo.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung của Phương án; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Phương án; chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác, pháp lý, hiệu quả, khả thi của Phương án được phê duyệt kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mk*

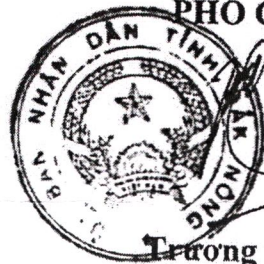
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ Trung ương về PCTT;
- UBQG Tìm kiếm cứu nạn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Đài PT & TH tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Lưu: VT, KTTH, CTTĐT, KTN(L).

///

Ủy ban
Nhân dân
tỉnh Đắk
Nông
Tỉnh Đắk
Nông
14.02.2020
09:03:29
+07:00

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

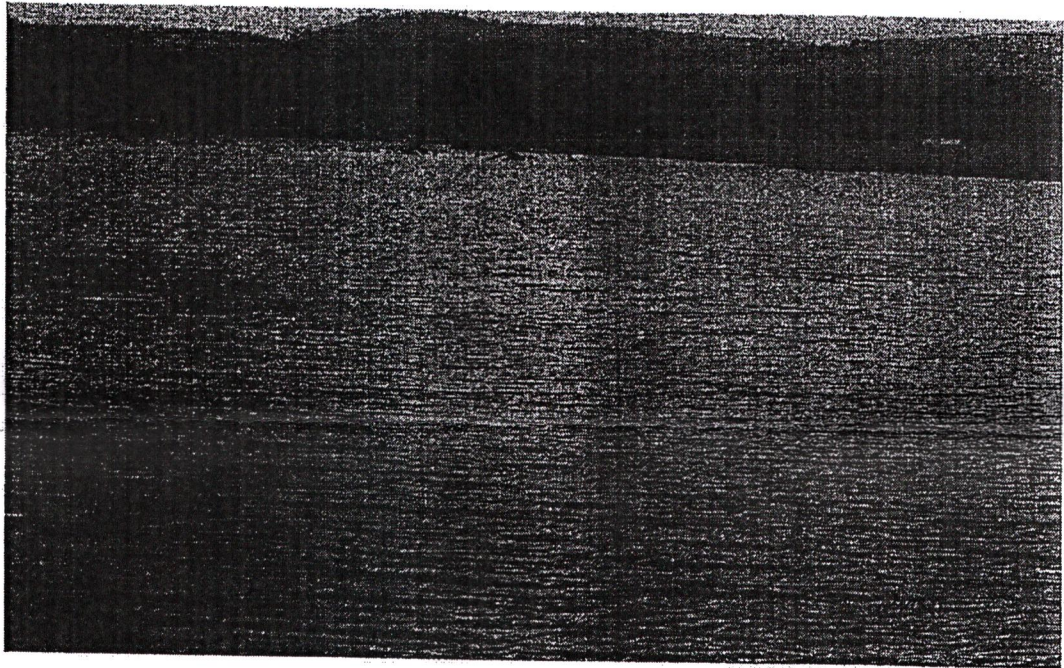


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



PHƯƠNG ÁN

**ỨNG PHÓ THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**



**ĐƠN VỊ LẬP
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Đắk Nông, tháng 12 năm 2019

Chương I GIỚI THIỆU CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý:

Nằm ở cửa ngõ phía Nam của Tây Nguyên, Đắk Nông có Quốc lộ 14 nối thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ với các tỉnh Tây Nguyên, cách thành phố Hồ Chí Minh 230 km về phía Bắc và cách thành phố Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) 120 km về phía Tây Nam; có Quốc lộ 28 nối Đắk Nông với Lâm Đồng, Bình Thuận và các tỉnh Duyên hải miền Trung, cách thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng) 170 km và thành phố Phan Thiết (Bình Thuận) 160 km về phía Đông.

Đắk Nông có 130 km đường biên giới tiếp giáp với tỉnh Mondulkiri, có 02 cửa khẩu Bu Prăng và Đăk Peur nối thông với Mondulkiri, Kratie, Kandal, Phnôm Pênh, Siem Reap, v.v. của nước bạn Campuchia.

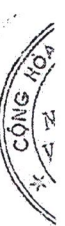
Vị trí địa lý như trên sẽ tạo điều kiện cho Đắk Nông có thể mở rộng giao lưu với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên; vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; Duyên hải miền Trung và nước bạn Campuchia, là nguồn động lực để Đắk Nông thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong tương lai sẽ trở thành trung tâm phát triển kinh tế năng động của khu vực Tây Nguyên.

1.2. Địa hình

Đắk Nông nằm trọn trên cao nguyên M'Nông, độ cao trung bình khoảng 600 – 700 m so với mặt nước biển, có nơi lên đến 1.982 m (Tà Đùng).

Nhìn tổng thể, địa hình Đắk Nông như hai mái của một ngôi nhà mà đường nóc là dãy núi Nam Nung, chạy dài từ Đông sang Tây, có độ cao trung bình khoảng 800 m, có nơi cao đến hơn 1.500 m. Địa hình có hướng thấp dần từ Đông sang Tây. Các huyện Đắk Song, Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô thuộc lưu vực sông Krông Nô, sông Srêpôk nên thấp dần từ Nam xuống Bắc. Các huyện Tuy Đức, Đắk R'lấp, Đắk Glong và thị xã Gia Nghĩa thuộc thượng nguồn lưu vực sông Đồng Nai nên thấp dần từ Bắc xuống Nam.

Vì vậy, Đắk Nông có địa hình đa dạng và phong phú, bị chia cắt mạnh, có sự xen kẽ giữa các núi cao hùng vĩ, hiểm trở với các cao nguyên rộng lớn, dốc thoải, lượn sóng, khá bằng phẳng xen kẽ các dải đồng bằng thấp trũng. Địa hình thung lũng thấp, có độ dốc từ 0-3⁰ chủ yếu phân bố dọc sông Krông Nô, Srêpôk, thuộc các huyện Cư Jút, Krông Nô. Địa hình cao nguyên đất đỏ bazan chủ yếu ở Đắk Mil, Đắk Song, độ cao trung bình 600 – 800 m, độ dốc khoảng 5-10⁰. Địa hình chia cắt mạnh và có độ dốc lớn > 15⁰ phân bố chủ yếu trên địa bàn các huyện Đắk Glong, Đắk R'lấp.



1.3. Khí hậu thời tiết

Đắk Nông là khu vực chuyển tiếp giữa hai tiểu vùng khí hậu Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, chế độ khí hậu mang đặc điểm chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhưng có sự nâng lên của địa hình nên có đặc trưng của khí hậu cao nguyên nhiệt đới ẩm, vừa chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam khô nóng. Mỗi năm có 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 4 đến hết tháng 11, tập trung trên 90% lượng mưa cả năm; mùa khô từ tháng 12 đến hết tháng 3 năm sau, lượng mưa không đáng kể.

Nhiệt độ trung bình năm $22 - 23^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ cao nhất 35°C , tháng nóng nhất là tháng 4. Nhiệt độ thấp nhất 14°C , tháng lạnh nhất vào tháng 12. Tổng số giờ nắng trong năm trung bình 2000 - 2300 giờ. Tổng tích ôn cao 8.000° rất phù hợp với phát triển các cây trồng nhiệt đới lâu năm.

Lượng mưa trung bình năm 2.513 mm, lượng mưa cao nhất 3.000 mm. Tháng mưa nhiều nhất vào tháng 8, 9; mưa ít nhất vào tháng 1, 2. Độ ẩm không khí trung bình 84%. Độ bốc hơi mùa khô 14,6 - 15,7 mm/ngày, mùa mưa 1,5 - 1,7 mm/ngày.

Hướng gió thịnh hành mùa mưa là Tây Nam, hướng gió thịnh hành mùa khô là Đông Bắc, tốc độ gió bình quân 2,4 - 5,4 m/s, hầu như không có bão nên không gây ảnh hưởng đến kinh tế-xã hội.

Tuy nhiên cũng như các vùng khác của Tây Nguyên, điều bất lợi cơ bản về khí hậu là sự mất cân đối về lượng mưa trong năm và sự biến động lớn về biên độ nhiệt ngày đêm và theo mùa, nên yếu tố quyết định đến sản xuất và sinh hoạt là việc cấp nước, giữ nước và việc bố trí mùa vụ cây trồng.

1.4. Thủy văn

Đắk Nông có mạng lưới sông suối, hồ, đập phân bố tương đối đều khắp. Đây là điều kiện thuận lợi để khai thác nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng các công trình thủy điện và phục vụ nhu cầu dân sinh.

Các sông chính chảy qua địa phận tỉnh gồm:

Sông Sêrêpôk do hai nhánh sông Krông Nô và Krông Na hợp lưu với nhau tại thác Buôn Dray. Khi chảy qua địa phận huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, do kiến tạo địa chất phức tạp, lòng sông trở nên hẹp và dốc nên tạo ra các thác nước lớn hùng vĩ, vừa có cảnh quan thiên nhiên đẹp, vừa có tiềm năng thủy điện mang lại giá trị kinh tế. Đó là thác Trinh Nữ, Dray H'Linh, Gia Long, Dray Sáp. Các suối Đắk Gang, Đắk Nir, Dray H'Linh, Ea Tuor, Đắk Ken, Đắk Klou, Đắk Sor cũng đều là thượng nguồn của sông Sêrêpôk.

Sông Krông Nô. Bắt nguồn từ dãy núi cao trên 2.000 m phía Đông Nam tỉnh Đắk Lắk, chảy qua huyện Krông Nô. Sông Krông Nô có ý nghĩa rất quan trọng đối với sản xuất và đời sống dân cư trong tỉnh. Còn nhiều suối lớn nhỏ

khác suối Đắc Mâm, Đắc Rô, Đắc Rí, Đắc Nang là thượng nguồn của sông Krông Nô.

Hệ thống sông suối thượng nguồn sông Đông Nai. Sông Đông Nai dòng chảy chính không chảy qua địa phận Đắc Nông nhưng có nhiều sông suối thượng nguồn. Đáng kể nhất là: Suối Đắc Rung bắt nguồn từ khu vực Thuận Hạnh, chảy qua địa bàn Đắc Nông với chiều dài 90 km. Suối Đắc Nông có lưu lượng trung bình 12,44 m³/s. Môduyn dòng chảy trung bình 47,9 m³/skm². Suối Đắc Buk So là ranh giới giữa huyện Đắc Song và Đắc R'ấp. Suối Đắc R'ấp có diện tích lưu vực 55,2 km², là hệ thống suối đầu nguồn của thủy điện Thác Mơ. Suối Đắc R'tih chảy về sông Đông Nai, đầu nguồn của thủy điện Đắc R'tih và thủy điện Trị An.

Ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có nhiều hồ, đập lớn vừa có tác dụng giữ nước cho sản xuất nông, công nghiệp, thủy điện, vừa là tiềm năng để phát triển du lịch như Hồ Tây, Ea Snô, Ea T'Linh, Đắc Rông, Đak Đier, Đắc R'tih, Đông Nai 3,4.v.v.

Chế độ lũ: Chịu sự chi phối mạnh của sông Krông Nô. Tại Đức Xuyên lũ lớn thường xảy ra vào tháng 9, 10. Hàng năm dòng sông này thường gây ngập lũ ở một số vùng thuộc các xã phía nam huyện Krông Nô. Lũ trên sông Sêrêpôk là tổ hợp lũ của 2 sông Krông Nô và Krông Na, lũ xuất hiện vào tháng 9 và 10.

2. Đặc điểm kinh tế, xã hội.

Diện tích tự nhiên có 650.927 ha, có 08 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã với dân số thống kê năm 2019 là 622.000 người. trong đó dân số đô thị chiếm 14,95%, dân số nông thôn 85,05%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 4,55%. Mật độ dân số trung bình 78,39 người/km². Dân cư phân bố không đều trên địa bàn các huyện, nơi đông dân cư chủ yếu tập trung ở các trung tâm xã, thị trấn huyện lỵ, ven các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ.

Đắc Nông là tỉnh có cộng đồng dân cư gồm 40 dân tộc cùng sinh sống. Cơ cấu dân tộc đa dạng, chủ yếu là dân tộc Kinh, M'Nông, Tày, Thái, Ê Đê, Nùng v.v. Dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ 65,5%, M'Nông chiếm 9,7%, các dân tộc khác chiếm tỉ lệ nhỏ.

Thiên tai có ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất của người dân, đặc biệt là những người nông dân. Ảnh hưởng trực tiếp tới năng suất, sản lượng của hầu hết các loại cây công nghiệp chủ lực của tỉnh như: cà phê, cao su, hồ tiêu. Ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của cây trồng, suy giảm sức đề kháng, tăng khả năng phát sinh các dịch bệnh, tăng khả năng cây bị héo, chết và làm giảm năng suất, chất lượng sản phẩm. Gia tăng nguy cơ dịch bệnh và khả năng lan truyền, gây thiệt hại lớn, giảm năng suất chăn nuôi, phá hoại hoặc làm hư hỏng chuồng trại chăn nuôi.

3. Xu thế biến đổi thiên tai và những thách thức

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu thiên tai được dự báo sẽ xảy ra ngày càng nhiều hơn về loại hình, tần suất xuất hiện, phức tạp hơn về diễn

biến và nghiêm trọng hơn về hậu quả, các hiện tượng El Nino, La Nina và sự gia tăng các cơn bão nhiệt đới, hạn hán, lốc xoáy, mưa đá, giông tố..., trong tương lai được dự báo có xu thế khốc liệt hơn.

Địa hình phức tạp, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới nóng, ẩm, gió mùa; có nhiều khác biệt về tiểu vùng khí hậu, thường xuyên chịu ảnh hưởng của nhiều loại hình thiên tai như: Tở lốc, mưa đá, lũ ống, lũ quét, hạn hán, sạt lở đất..., mặt dù không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, nhưng mỗi khi bão mạnh đổ bộ vào các tỉnh ven biển Miền Trung, hoàn lưu của bão kết hợp với rãnh thấp thường gây mưa to đến rất to.

Do tác động của biến đổi khí hậu, trong những năm gần đây bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động bất thường, không theo quy luật; số lượng và cấp độ hoạt động nhiều hơn, gây khó khăn cho công tác dự báo và ứng phó. Vấn đề cấp thiết đặt ra là phải có các biện pháp ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh phù hợp.

Từ các căn cứ trên và những đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông xây dựng phương án “Ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Đắk Nông” để toàn tỉnh tổ chức thực hiện.

Chương II

CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai năm 2013;

Căn cứ Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật, phòng chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai;

Căn cứ Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 13/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg, ngày 07/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Mục đích

Rà soát đánh giá các loại hình thiên tai, mức độ ảnh hưởng của từng loại hình, năng lực ứng phó hiện có để xây dựng các phương án phù hợp góp phần phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiệt hại một cách hiệu quả, hạn chế thấp

nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu.

3. Yêu cầu

Đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra.

Bảo vệ các công trình quan trọng về An ninh Quốc gia, phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đảm bảo các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt.

Đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xử lý, ứng phó với rủi ro thiên tai.

Phối hợp chặt chẽ giữa Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh với các cấp, các ngành, trong chỉ đạo, chỉ huy phòng chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

Huy động nguồn nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm cần thiết theo phương châm 4 tại chỗ “chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ” đáp ứng mục tiêu “ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”.

Thống kê, đánh giá thiệt hại; bảo vệ môi trường, phục hồi sản xuất; cơ chế chính sách, hỗ trợ khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân sau thiên tai.

Chương III

CÁC LOẠI THIÊN TAI VÀ CẤP ĐỘ CỦA CÁC LOẠI THIÊN TAI CÓ KHẢ NĂNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

Theo thống kê hàng năm, phân tích chuỗi số liệu quan trắc về tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh thời gian qua thường xảy ra các loại hình thiên tai sau:

1. Bão, áp thấp nhiệt đới:

Tỉnh Đắk Nông do nằm sâu trong đất liền nên ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, thường tất cả các cơn bão khi đổ bộ vào bờ biển các tỉnh Trung Bộ chỉ gián tiếp ảnh hưởng đến tỉnh Đắk Nông và gây mưa to đến rất to gây ngập lụt. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: Cấp 3. Số cơn bão ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh trung bình từ 02 – 04 cơn/năm. Vùng bị ảnh hưởng toàn tỉnh.

2. Mưa lớn: Tại tỉnh Đắk Nông hiện tượng thời tiết ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới thì chủ yếu gây mưa lớn, thường chịu ảnh hưởng của bão từ tháng 8 đến tháng 12. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: Cấp 2.

3. Lốc tố, dông, sét, mưa đá: Đây là hiện tượng thời tiết nguy hiểm thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ cuối mùa khô đầu mùa mưa, gây thiệt hại về người và tài sản của nhà nước và nhân dân. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: Cấp 2. Vùng chịu ảnh hưởng toàn tỉnh.

4. Lũ, ngập lụt:

Trong những năm qua lũ lụt đã gây thiệt hại khá nặng nề về người và của cải, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, làm hư hỏng nhiều công trình, gây tổn thất cho hệ thống cơ sở hạ tầng của các địa phương; đồng thời, còn để lại những hậu quả rất xấu cho môi trường sinh thái.

Khu vực thường hay bị ngập lụt khi mưa trên lưu vực và nước tập trung từ thượng nguồn đổ về gây ra những trận ngập lụt nghiêm trọng là khu vực huyện Krông Nô (các xã: Đăk Nang, Đúc Xuyên, Buôn Choah, Quảng Phú, Nâm N'Dir); khu vực thôn 11, 12 xã Quảng Hòa, thôn Cây Xoài xã Đăk Rmăng, thôn 2 xã Đăk Som huyện Đăk Glong, thôn Đoàn Kết xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: Cấp 3.

5. Lũ quét:

Trong những năm gần đây do ảnh hưởng, thay đổi mạnh mẽ của thảm phủ bề mặt lưu vực, nhất là sự thu hẹp nhanh chóng diện tích và mật độ cây rừng, việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi, thủy điện, đô thị hóa các khu dân cư... và sự tác động của biến đổi khí hậu cường độ mưa tăng mạnh. Lũ quét xảy ra với su hướng tăng phá hủy tài sản nhà nước, nhân dân và các công trình cơ sở hạ tầng, gây xói mòn, rửa trôi hàng triệu mét khối đất canh tác màu mỡ gây hiểm họa thực sự đối với nhân dân, nhất là đối với các nhà dân nằm ven khu sản xuất gần các sông, suối, sườn dốc, sườn đồi. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được do lũ quét: Cấp 2.

6. Sạt lở đất, trượt lở đất:

Sạt lở đất xảy ra hầu hết tại các huyện trên địa bàn tỉnh, 5 năm gần đây tình hình sạt lở đất xảy ra tại các địa điểm: Đăk Buk So, huyện Tuy Đức; thị trấn Kiến Đức, xã Nhân Cơ và Đăk Sin huyện Đăk R'lấp; Phường Nghĩa Phú, thị xã Gia Nghĩa; sạt lở đường vào thủy điện Đồng Nai 3, 4; đường vào xã Quảng Hòa, huyện Đăk Glong và tại một số tuyến tỉnh lộ, đường huyện khác trên địa bàn tỉnh. Năm 2019 tại xã Đăk Sin huyện Đăk R'lấp đã xảy ra vụ sạt lở đất vùi lấp cả một gia đình gồm 04 người trong đêm tối. Sạt lở đất cũng làm thiệt hại về tài sản rất lớn; tại thôn 2, xã Đăk Bu So, huyện Tuy Đức sạt lở đất nghiêm trọng đã làm sập đổ 15 nhà dân, vùi lấp một số diện tích cây trồng; vết sạt lở có chiều dài hơn 300 m, độ cao hơn 10 m, thuộc hạ lưu đập thủy lợi Đăk Búk So (dọc theo Quốc lộ 14C) với hàng nghìn khối đất đá vùi lấp nhà cửa và nhiều đoạn đường trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, giao thông nông thôn trong tỉnh bị sạt lở nghiêm trọng, cắt đứt nhiều đoạn giao thông, cô lập một số khu dân cư. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: Cấp 2.

7. Hạn hán:

Những năm gần đây tình hình hạn hán trên địa bàn tỉnh diễn ra rất nghiêm trọng, lượng mưa đo được thấp hơn trung bình nhiều năm và mùa mưa lại kết thúc sớm, các sông suối trên địa bàn có diện tích lưu vực nhỏ, độ dốc lớn, thảm phủ suy giảm nên lượng nước trong các sông suối cạn kiệt rất nhanh. Hầu hết

các hồ chứa nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có dung tích nhỏ, được xây dựng đã khá lâu, tình trạng bồi lắng xảy ra nghiêm trọng đã làm cho dung tích giảm đáng kể, gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân.

Vụ Đông Xuân năm 2015-2016 toàn tỉnh có 23.055 ha cây trồng thiếu nước tưới, trong đó: có 210 ha lúa nước đã ngừng sản xuất ngay từ đầu vụ Đông xuân do thiếu nguồn nước, còn lại là cây công nghiệp và rau màu bị giảm năng suất. Ước thiệt hại là 1.020 tỷ đồng (*Một nghìn không trăm hai mươi tỷ đồng*).

Nước sinh hoạt: Mùa khô năm 2016-2017 có 7.726 hộ dân với 36.000 nhân khẩu trong tình trạng thiếu nước sinh hoạt (Krông Nô 2.122 hộ, Đắk Mil 823 hộ, Tuy Đức 625 hộ, Đắk Song 1.410 hộ, Đắk Glong 1.513), trong 1.500 hộ dân với 7.500 nhân khẩu phải mua nước sinh hoạt. Cấp độ rủi ro cao nhất ghi nhận được: cấp 2, phạm vi ảnh hưởng toàn tỉnh.

Chương IV **CÁC BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ**

Căn cứ vào các loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thường xảy ra trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đưa ra các biện pháp ứng phó như sau:

1. Biện pháp cơ bản ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được quy định như sau:

Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng (*có biểu phụ lục 01 các khu vực sung yếu kèm theo*).

Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp (*phương tiện, địa điểm sơ tán phụ lục số 2 và 3 kèm theo*).

Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;

Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;

Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, ngầm qua suối, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác;

Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;

SỞ
NÔNG
LÂM
CÁI
LĂNG

Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

Thường xuyên kiểm tra, rà soát các khu vực có nguy cơ sạt lở tại các tuyến sông, kênh, trên địa bàn, tiến hành cắm biển cảnh báo nguy hiểm sạt lở, phân loại mức độ sạt lở và sắp xếp thứ tự ưu tiên xử lý sạt lở theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ, từ đó có biện pháp xử lý sạt lở phù hợp; trong đó, ưu tiên các vị trí tập trung dân cư đông, các công trình phúc lợi công cộng quan trọng, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; tổ chức tuyên truyền cho nhân dân sinh sống xung quanh để biết và chủ động phòng, tránh;

Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

2. Ứng phó đối với hạn hán được quy định như sau:

Thực hiện quyết liệt việc chuyển đổi cây trồng vùng thường xuyên bị hạn, lựa chọn các loại cây trồng cạn ngắn ngày có khả năng chịu hạn, sử dụng ít nước để gieo trồng trên đất lúa (như: đậu đỗ, ngô, sắn...) và dừng gieo trồng ở một số khu vực không đảm bảo về nguồn nước tưới để tránh thiệt hại;

Vận hành hợp lý, tiết kiệm nguồn nước ở các công trình thủy lợi, các hồ chứa nước thủy điện, các công trình cấp nước. Tổ chức nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, thiết lập các trạm bơm dã chiến, bơm chuyên, đào ao, giếng nông để lấy nước tưới cho cây trồng; sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm như: tưới phun mưa, tưới luân phiên, ...ưu tiên nguồn nước cho sinh hoạt của người dân, sau đó đến chăn nuôi gia súc, sản xuất nông nghiệp, thủy sản, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh, sản xuất công nghiệp, sản xuất điện. Đối với cây trồng, ưu tiên tưới nước cho cây trồng có giá trị kinh tế cao, cây công nghiệp dài ngày, cây trồng đang bước vào thời kỳ ra hoa kết trái. Dừng gieo trồng ở các vùng không đảm bảo nước tưới để tránh thiệt hại, đồng thời mở rộng sản xuất ở những vùng đảm bảo nước tưới để đạt được kế hoạch đề ra.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thiếu nước uống, nước sinh hoạt, thiếu đói, bệnh tật do hạn hán gây ra trên địa bàn tỉnh và triển khai các biện pháp tổ chức khai thác có hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt cho nhân dân. Hướng dẫn nhân dân khắc phục tình trạng thiếu nước các giếng đào, giếng khoan của hộ gia đình để đảm bảo cấp nước sinh hoạt. Những vùng thiếu nước sinh hoạt gay gắt chủ động sử dụng ngân sách địa phương để tổ chức vận chuyển nước sạch ở nơi khác đến phục vụ cấp nước hỗ trợ cho nhân dân, không để nhân dân thiếu nước uống, sinh hoạt. Tuyên truyền, vận động nhân dân tuyệt đối không sử dụng nước đục, cặn bẩn để uống, sinh hoạt, tránh nguy cơ dịch bệnh do sử dụng nước uống không hợp vệ sinh gây ra.

Tổ chức điều hành hồ chứa phù hợp với tình huống cụ thể.

3. Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác thì căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể.

- Biện pháp ứng phó với dông, lốc, mưa đá:

+ Rà soát, cảnh báo đến từng hộ gia đình tại các điểm dân cư nằm trong khu vực nguy hiểm để có phương án sẵn sàng di chuyển đến nơi an toàn;

+ Chủ động chằng chống nhà cửa, vật kiến trúc, kho tàng...đảm bảo đủ sức chống đỡ khi có lốc xoáy, mưa đá và thiên tai xảy ra;

+ Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị thương.

- Biện pháp ứng phó với sét đánh:

+ Khi mưa lớn kèm theo dông sét, không nên đứng dưới gốc cây, anten truyền hình, gần các vật kim loại, không chạm tay vào các vật ẩm ướt, vật dẫn điện, tháo bỏ dây anten ra khỏi tivi, radio,...

+ Không đi dọc theo các bờ sông, bờ suối,...; không trú mưa ở những công trình, nhà cửa, chòi rẫy ở giữa cánh đồng; không sử dụng điện thoại; không dùng dây thép phơi quần áo buộc vào cột thu lôi, cây cao;

+ Bỏ các vật dụng mang bên mình như cuốc, xẻng, dao, mác, cần câu, gậy....khi thấy có hiện tượng dông sét có thể xảy ra;

+ Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị thương.

- Biện pháp ứng phó với nắng nóng:

+ Chủ động các biện pháp phòng chống nắng nóng cho người (đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương) và gia súc, gia cầm; hạn chế ra ngoài cũng như chăn thả gia súc, gia cầm ngoài trời trong thời gian nắng nóng cao điểm từ 10h đến 16h; vệ sinh môi trường và phun thuốc khử trùng, phòng bệnh cho người và vật nuôi;

+ Đảm bảo chuẩn bị đủ nguồn thức ăn, nước uống hợp vệ sinh.

Chương V

PHƯƠNG TIỆN, NHU YẾU PHẨM, LỰC LƯỢNG, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM VÀ PHỐI HỢP TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI

1. Phương tiện, nhu yếu phẩm, lực lượng, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai:

1.1. Lực lượng dự kiến huy động ứng phó thiên tai: Tổng lực lượng dự kiến huy động là: 43.068 người, trong đó lực lượng Quân đội là 2.380 người, Công an là 2.446 người, Y tế 1.476 người, Đoàn thanh niên 5.258 người, Dân quân tự vệ địa phương 4.164 người ... (có phụ lục 04 kèm theo).

1.2. Phương tiện huy động:

Phương tiện phục vụ sơ tán dân: Ô tô các loại: 1.422 cái; Ca nô, xuồng: 154 cái... (có phụ lục 05 kèm theo).

1.3. Vật tư, nhu yếu phẩm dự kiến huy động:

Lương thực, thực phẩm: Mỳ tôm 167.000 thùng, lương khô 35.740 thùng, gạo: 260.400 tấn, nước uống đóng chai 204.800 chai; Nhiên liệu: xăng, dầu, dầu hỏa 131.376 lít (có phụ lục 6 chi tiết kèm theo).

2. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó thiên tai

Thực hiện theo Điều 7; 8; 9; 10 Mục 2 của Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN, KIỂM TRA, THEO DÕI VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Trên cơ sở thẩm quyền và nhiệm vụ được giao các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh chủ động tổ chức triển khai thực hiện phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Cụ thể:

1. Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh

- Tham mưu cho UBND tỉnh quản lý các hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, chỉ huy, điều hành trong phạm vi toàn tỉnh;

- Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật phòng chống thiên tai;

- Chỉ huy ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong thiên tai trên địa bàn tỉnh; tham mưu các giải pháp công trình và phi công trình trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai;

- Đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt;

- Kiểm tra, đôn đốc các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt;

- Tổ chức trực ban, kịp thời thông tin, cảnh báo cho các Sở, ngành, UBND các huyện và thị xã triển khai các biện pháp phòng, chống, ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai;

- Tiếp nhận, phân bổ nguồn viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong công tác phòng chống thiên tai.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

- Xây dựng và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đặc biệt xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị thiết bị, phương tiện, công cụ, hướng dẫn kỹ năng để ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố thiên tai;

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý, sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai, đặc biệt là các khu vực xung yếu (ven sông, vùng trũng thấp, vùng có nguy cơ bị lũ quét, sạt lở đất...) sẵn sàng phối hợp với các đơn vị, hỗ trợ chi viện cho các huyện, thị xã ngay khi có yêu cầu;

- Xây dựng các phương án tìm kiếm cứu nạn, tham mưu chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang tỉnh và các lực lượng tăng cường của Bộ Quốc phòng, Quân khu, tăng cường cơ động ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa. Là lực lượng chủ lực, nòng cốt trong công tác tìm kiếm cứu nạn.

3. Công an tỉnh

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và UBND các huyện, thị xã kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác cát, đất trái phép gây sạt lở bờ sông, công trình phòng chống thiên tai;

- Tham gia sơ tán, di dời dân khỏi những nơi nguy hiểm theo đúng tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh, làm tốt công tác vận động, tuyên truyền để người dân hiểu, chấp hành sơ tán, di dời, hạn chế thấp nhất các trường hợp cưỡng chế;

- Xây dựng phương án đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có thiên tai trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Giao thông vận tải

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành trong việc xây dựng phương án phòng chống thiên tai của tỉnh;

- Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành; xây dựng phương án huy động về nhân lực, phương tiện, vật tư cứu hộ đảm bảo giao thông, phương án phân luồng trên các tuyến giao thông và bảo đảm an toàn giao thông khi có thiên tai xảy ra.

5. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn của công trình phù hợp với thiên tai; phối hợp với các Sở, ngành, địa phương kiểm tra các nhà, xưởng, công trình, các công trường đang thi công không đảm bảo an toàn khi thiên tai xảy ra;

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng phù hợp với pháp luật về phòng, chống thiên tai; chủ trì, phối hợp và

hướng dẫn với các địa phương thực hiện quy hoạch xây dựng, bảo đảm an toàn công trình trước thiên tai.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện triển khai thực hiện kịp tiến độ, đạt hiệu quả;

- Lòng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Sở Lao động Thương binh và xã hội

Đề xuất chính sách hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai trình UBND tỉnh quyết định, đồng thời hướng dẫn UBND các huyện, thị xã giải quyết các chính sách, chế độ trợ giúp đột xuất cho các đối tượng bị ảnh hưởng do thiên tai theo quy định.

8. Sở Y tế

- Hướng dẫn cho cán bộ y tế và cộng đồng về kỹ thuật cấp cứu thông thường, biện pháp vệ sinh môi trường sau khi thiên tai xảy ra;

- Có kế hoạch đảm bảo dự trữ và chuẩn bị vật tư, thuốc men và kinh phí cần thiết để đảm bảo xử lý vệ sinh môi trường phòng, chống dịch bệnh và an toàn cộng đồng trong vùng xảy ra thiên tai chú trọng các vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt việc dự phòng tại chỗ; chỉ đạo việc cấp cứu nạn nhân, phòng, chống dịch bệnh trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

9. Sở Công thương

- Có phương án dự trữ, đảm bảo cung cấp hàng hóa, nhu yếu phẩm cần thiết, nhất là lương thực và nước uống, sẵn sàng cung cấp cho vùng bị thiên tai, ngập, lụt nhất là các vùng có nguy cơ bị cô lập. Chỉ đạo công tác giám sát, kiểm tra quản lý thị trường, giá vật tư, vật liệu xây dựng... tại vùng bị ảnh hưởng của mưa lũ.

- Chỉ đạo, theo dõi, giám sát các chủ hồ thủy điện xây dựng và thực hiện các phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho công trình trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra, xây dựng quy trình vận hành hồ chứa trong mùa mưa lũ đảm bảo vận hành an toàn cho vùng hạ du, bố trí nhân lực, vật tư, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ cứu hộ kịp thời, đảm bảo an toàn công trình khi gặp sự cố.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

- Tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường, điều tra xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm, tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục ô

nhiệm, suy thoái và phục hồi môi trường nhằm hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải và UBND các huyện và thị xã xử lý các trường hợp khai thác cát, đất trái phép gây sạt lở bờ sông, công trình phòng, chống thiên tai.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo thực hiện lồng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình các cấp;

- Lập quy hoạch, xây dựng các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo kết hợp phòng, chống thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng vùng, địa phương để bảo đảm an toàn.

12. Sở Thông tin và Truyền thông

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ cho các hoạt động, điều hành của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; đảm bảo thông tin tuyên truyền chính xác, kịp thời về diễn biến, tình hình thiên tai; tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng tránh.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động trên địa bàn tỉnh thực hiện nhắn tin cảnh báo thiên tai qua điện thoại di động cho nhân dân biết và chủ động tránh trú an toàn theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính có phương án tham gia vận chuyển hàng hóa, vật liệu kịp thời phục vụ việc phòng, chống thiên tai.

13. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, các cơ quan thông tấn báo chí tỉnh

- Thực hiện chế độ phát tin cảnh báo, thông báo, truyền tin khi xảy ra thiên tai theo quy định;

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để thực hiện các chương trình phổ biến, tuyên truyền về phòng, chống, ứng phó thiên tai.

14. Công ty Điện lực Đắk Nông

Đảm bảo nguồn điện liên tục 24/24 giờ cho các cơ quan, đơn vị chỉ đạo, điều hành, cảnh báo, dự báo, phòng, chống thiên tai. Bảo vệ hệ thống thiết bị điện, trạm biến thế, đặc biệt là vấn đề an toàn trong sử dụng điện; đồng thời, xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng, chuẩn bị máy phát điện dự phòng cho các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

15. Đài Khí tượng thủy văn tỉnh

Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, thủy văn, cảnh báo, dự báo kịp thời các hiện tượng khí tượng thủy văn, đặc biệt các hiện tượng bất thường đưa ra

các cảnh báo, dự báo kịp thời; tiếp tục cụ thể hóa bản tin dự báo thời tiết nguy hiểm đến từng địa phương; nâng cao chất lượng bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai, trọng tâm là nâng cao chất lượng về thời gian, cường độ ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lũ quét, sạt lở đất.

16. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể, tổ chức kinh tế xã - hội, đơn vị cá nhân có liên quan

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật phổ biến kiến thức, kinh nghiệm nâng cao năng lực cộng đồng phòng ngừa thiên tai; tổ chức các đội thanh niên tình nguyện, xung kích ứng cứu công trình, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai. Vận động, tiếp nhận, phân phối và quản lý, sử dụng các nguồn cứu trợ, đóng góp tự nguyện để hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do thiên tai;

- Triển khai thực hiện các quy định của Luật phòng chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai theo trách nhiệm và phạm vi quản lý, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư để chủ động tham gia ứng cứu khi có lệnh của UBND tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp.

17. Ủy ban nhân dân các huyện và thị xã Gia Nghĩa

- Xây dựng phương án ứng phó với rủi ro thiên tai sát với tình hình thực tế tại địa phương; phân công công việc cụ thể rõ ràng cho cấp xã, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn; chủ động xây dựng kế hoạch bổ sung nhằm đảm bảo đủ trang bị, phương tiện thiết yếu phục vụ cần thiết để có thể huy động kịp thời khi có rủi ro thiên tai xảy ra; xây dựng phương án cụ thể trong việc tổ chức di dời, bảo vệ dân ở trong vùng ảnh hưởng của bão, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; chủ động ngân sách địa phương và các nguồn ngân sách khác theo quy định để khắc phục hậu quả, sớm ổn định sản xuất và đời sống nhân dân;

- Tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp đánh giá mức độ an toàn các công trình thủy lợi, nhất là các hồ chứa vừa và nhỏ trên địa bàn để phối hợp với các đơn vị quản lý công trình xây dựng phương án phòng chống thiên tai bảo đảm an toàn công trình trong mùa mưa bão;

- Có kế hoạch dự trữ lương thực và nhu yếu phẩm phục vụ nhân dân đảm bảo đủ nhu cầu khi có rủi ro thiên tai;

- Xây dựng phương án ứng phó với bão mạnh và siêu bão, phương án phòng chống lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn; phương án điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến của khí hậu, phương án chống hạn...

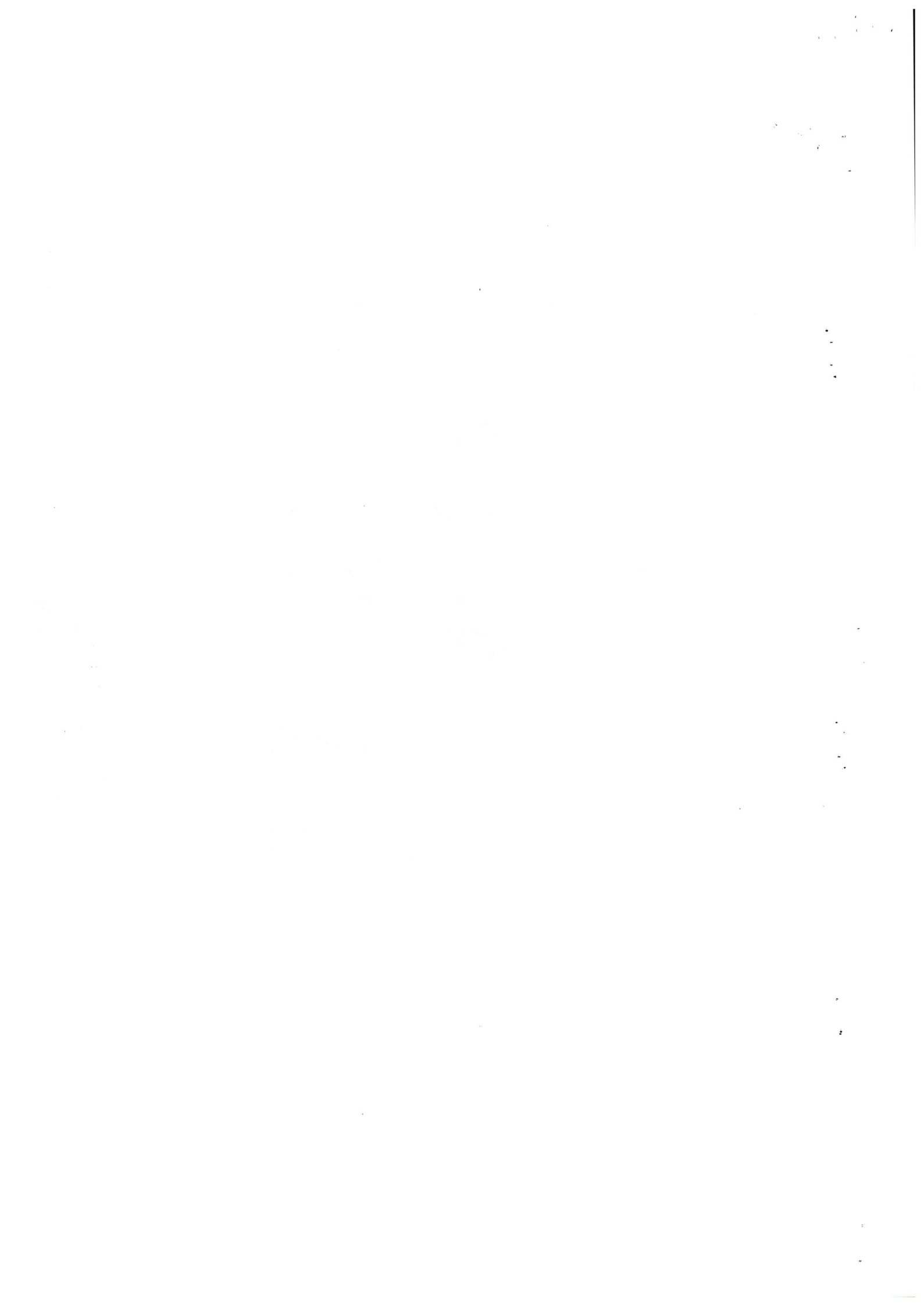
Yêu cầu các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh tổ chức quán triệt các nội dung của phương án tới nhân dân, cán bộ, người lao động nhằm triển khai phương án kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản khi có thiên tai xảy ra, góp phần ổn định đời sống nhân dân, thúc đẩy đời

sống kinh tế xã hội; đồng thời chủ động triển khai thực hiện phương án sát với tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương. Hàng năm rà soát, rút kinh nghiệm bổ sung nội dung phương án cho phù hợp và thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để tổng hợp, báo cáo, đề xuất cho UBND tỉnh./.



Hoàng Trung Thơ





	Thành						
7	Xã Quảng Thành		x	x			
V	Huyện Krông Nô	x					
1	TT Đăk Mâm		x	x	x	x	x
2	Xã Đăk Sôr		x				
3	Xã Nam Xuan				x		x
4	Xã Nam Đà						x
5	Xã Tân Thành			x			x
6	Xã Đăk Drô		x				x
7	Xã Buôn Choah		x				x
8	Xã Năm N'đir		x				x
9	Xã Năm Nung		x				x
10	Xã Đúc Xuyên		x				x
11	Xã Đăk Nang		x				x
12	Xã Quảng Phú		x				x
VI	Đăk G'long	x					
1	Xã Quảng Khê		x	x	x	x	
2	Đăk Som			x	x	x	
3	Quảng Sơn		x	x	x	x	
4	Đăk Plao		x	x		x	
5	Đăk R'măng		x	x	x	x	
6	Quảng Hòa		x	x	x	x	
7	Đăk Ha		x	x	x		
VII	Huyện Cư Jut	x					
1	Tâm Thắng		x			x	
2	Ea T'ling		x			x	
3	Trúc Sơn		x			x	
4	Cư K'nia		x			x	
5	Đăk D'rông		x			x	
6	Đăk Wil		x			x	
7	Ea Pô		x			x	
8	Nam Dong		x				
VII I	Đăk R'lấp						
I	TT Kiến Đức	x		x			
II	Xã Kiến	x	x	x	x	x	

	Thành						
III	Xã Đắc Wer	x		x			
IV	Xã Nhân Cơ	x	x	x		x	
V	Xã Nhân Đạo	x	x	x		x	
VI	Xã Nghĩa Thắng	x		x			
VII	Xã Đạo Nghĩa	x	x	x		x	
VII I	Xã Đắc Sin	x	x	x		x	
IV	Xã Hưng Bình	x	x				
X	xã Đắc Ru	x	x	x	x	x	
XI	Xã Quảng Tín		x	x	x	x	

Phụ lục 02: Tổng hợp phương án sơ tán dân

TT	Địa điểm	Cấp độ 2		Cấp độ 3		Cấp độ 4		Cấp độ 5
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	
I	Huyện Tuy Đức			1.053	3.144			
II	Huyện Đăk Song	96	315	63	282	50	250	
III	Huyện Đăk Mĩl	1993	7230	2934	10696	3355	13287	
IV	Thị xã Gia Nghĩa	237	664					
V	Krông Nô			1684	6799	3413	13664	
VI	Đăk G'long	283	1470	2913	12326	390	2029	
VII	Cư Jut	197		429				
VIII	Đăk R'lấp	1832	6528	1705	6284	2045	8307	

Phụ lục 03: Tổng hợp địa điểm sơ tán dân

TT	Địa điểm	Vị trí tập kết				Cự ly di chuyển (km)	Tuyến đường di chuyển	Nội dung khác (nếu có)
		Hội trường xã	Nhà Văn hóa	Nhà mẫu giáo	Nhà kiên cố...			
I	Huyện Tuy Đức	6	75	36	420		Đường liên thôn, xóm, xã	
II	Đăk Song	2	4	1			Đường liên thôn, xóm, xã	
III	Đăk Mĩl	10	10	10	10		Đường liên thôn,	

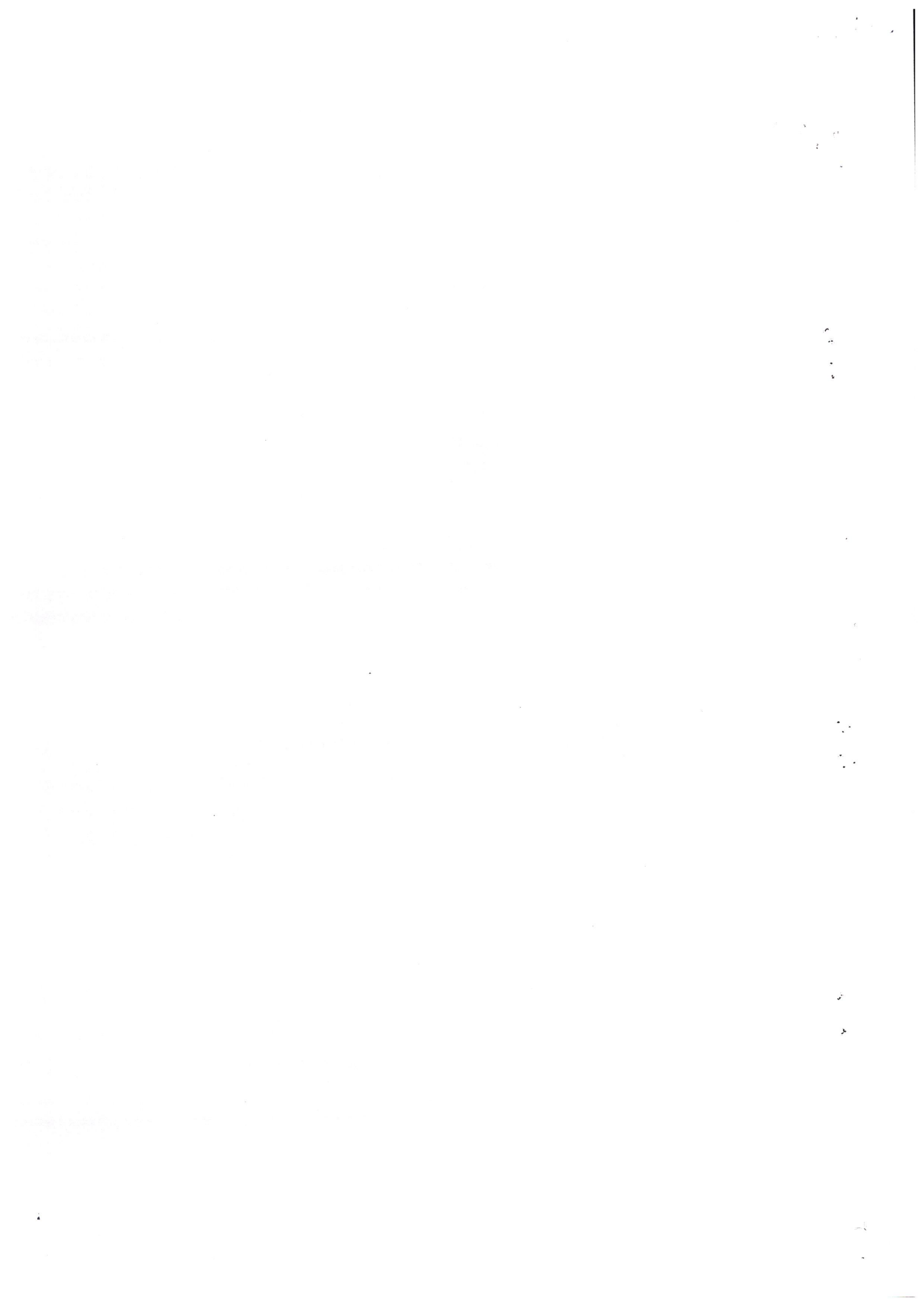
							xóm, xã
IV	Gia Nghĩa	8	0	0	0		Đường liên thôn, xóm, xã
V	Đăk G'long	6	27	11	2		Đường liên thôn, xóm, xã
VI	Cư Jut	4	6	4	12		Đường liên thôn, xóm, xã
VII	Krông Nô	5	4	7	9		Đường liên thôn, xóm, xã
VI	Đăk R'lấp	7	4	5	8		Đường liên thôn, xóm, xã



Phụ lục 04. Tổng hợp lực lượng dự kiến huy động thuộc Huyện
(Ban hành kèm theo Công văn số 2995/SNN-CCTL ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Sở NN&PTNT)

Đơn vị tính: người

TT	LỰC LƯỢNG	TỔNG CỘNG	Huyện Krông Nô	Huyện Tuy Đức	Huyện Đắk Riếp	Huyện Cư Jút	Huyện Đắk Mil	Huyện Đắk Song	Huyện Đắk Glong	Thị xã Gia Nghĩa	Cấp tỉnh
1	Quân đội (tinh đội, huyện đội)	2.380	1.190	250	61	140	161	302	60	16	200
2	Bộ đội biên phòng	1.036	518	150	0	15	20	233	0	0	100
3	Công an	2.740	1.370	200	61	343	144	293	155	24	150
4	Y tế	1.476	738	100	21	254	50	134	65	64	50
5	Thanh niên tình nguyện	6.460	3.230	600	20	800	120	987	601	52	50
6	Doanh nghiệp huy động	2.642	1.321	0	63	280	665	118	10	85	100
7	Hội chữ thập đỏ	808	404	32	21	132	33	118	47	16	5
8	Dân quân tự vệ	4.164	2.082	350	45	240	340	199	288	520	100
9	Hội phụ nữ	2.936	1.468	185	21	132	33	118	943	16	20
10	Lực lượng xung kích	3.372	1.686	0	20	240	570	208	108	520	20
11	Hội nông dân, đoàn thể khác	3.254	1.627	310	54	138	880	179	32	14	20
12	Thành viên Ban chỉ huy, VPTT	1.830	915	148	62	161	224	148	36	104	32
13	Cán bộ công nhân viên chức Lực lượng chuyên môn	4.526	2.263	330	144	1289	120	138	32	160	50
14		48	24	0	0	13	11	0	0	0	0
15	Lực lượng quản lý đê nhân dân	316	158	0	0	0	0	158	0	0	0
16	Lực lượng khác	5.080	2540	600	90	1600	0	134	66	0	50



Phục lục 05: PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG PHỤC VỤ SƠ TÁN DÂN
(Ban hành kèm theo Công văn số 2995/SNN-CCTL ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Sở NN&PTNT)

TT	ĐỐI TƯỢNG	Đơn vị	TỔNG CỘNG	Huyện Krông Nô	Huyện Tuy Đức	Huyện Đắk Rlấp	Huyện Cư Jút	Huyện Đắk Mil	Huyện Đắk Song	Huyện Đắk Glong	Thị xã Gia Nghĩa	Cấp tỉnh
1	Vật tư											
	- Đá hộc	m ³	1920	0	0	120	0	500	100	100	1000	100
	- Đá dăm, sỏi	m ³	2460	0	0	120	0	630	100	110	1000	500
	- Cát	m ³	1310	0	0	60	0	630	50	70	0	500
	- Đất	m ³	6540	0	0	60	0	630	50	800	0	5000
	- Rọ thép	cái	2430	0	0	290	0	0	2000	90	0	50
	- Bao tải	chiếc	3980	0	0	1200	0	630	1000	950	0	200
	- Vải bạt	m ²	3238	0	0	600	0	630	2000	8	0	0
	- Tôn lợp	m ²	6870	0	0	650	0	4.220	1000	900	0	100
	- Các vật tư khác		20	0	0	0	0	0	0	0	0	20
2	Trang thiết bị											
	- Nhà bạt cứu sinh	Cái	575	17	2	40	258	0	200	4	4	50
	- Phao áo cứu sinh	Cái	4490	460	150	240	1820	0	200	220	100	1300
	- Phao tròn cứu sinh	Cái	3530	0	150	260	1560	0	100	140	60	1260
	- Máy phát điện	Cái	1111	25	70	13	0	970	20	9	0	4
	- Áo mưa chuyên dùng	Cái	1510	0	700	160	0	0	500	0	50	100
	- Flycam	Cái	224	24	0	0	0	0	200	0	0	0
	- Loa cầm tay	Cái	362	0	23	36	2	220	30	9	40	2
	- Dây thừng	m	19200	0	7000	1200	0	5500	1000	1900	1.600	1000

	- Máy Icom	cái	26	0	0	0	0	12	0	0	10	4	0	0
	khác	cái	18	0	0	0	0	0	0	0	10	0	0	8
3	Phương tiện				0									
	- Xe cứu hộ các loại	Chiếc	84	0	1	27	0	0	0	0	50	1	0	5
	- Xe chữa cháy	Chiếc	44	6	1	12	4	0	0	0	10	1	0	10
	- Tàu, thuyền cứu nạn	Chiếc	85	19	0	24	1	0	0	0	20	4	0	17
	- Ca nô	Chiếc	69	27	0	2	0	0	0	0	20	5	1	14
	- Số ô tô có thể huy động	Cái	413	2	50	29	89	128	100	0	0	0	0	15
	+ Xe 45 chỗ	Cái	57	2	2	10	8	5	20	8	0	0	0	2
	+ Xe 25-29 chỗ	Cái	118	3	4	13	17	56	20	3	0	0	0	2
	+ Xe 16 chỗ	Cái	89	10	26	2	23		20	3	0	0	0	5
	+ Xe 4-7 chỗ	Cái	169	14	0	13	41	54	20	15	2	0	0	10
	- Số ô tô tải có thể huy động	Cái	261	2	36	12	64	65	10	17	50	5	0	5
	- Số xe máy (úi, xúc) có thể huy động	Cái	155	2	30	4	19	36	40	9	10	5	0	5
	- Xe cứu thương		32	0	3	5	3		10	1	0	0	0	10

Phụ lục 06: TỔNG HỢP VẬT TƯ, LƯƠNG THỰC, NƯỚC UỐNG, NHU YẾU PHÁP THIẾT YẾU
(Ban hành kèm theo Công văn số 2995/SNN-CCTL ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Sở NN&PTNT)

TT	Phạm vi	Lương thực, thực phẩm				Nước uống đóng chai	Nhiên liệu				Hóa chất khử trùng			Thiết bị xử lý nước	Các nhu yếu phẩm khác
		Lương khô	Mì tôm	Gạo	Thực phẩm		Đồ hộp	Chất đốt	Dầu Diesel	Xăng	Dầu hỏa	Phèn chua	Cloramin B		
		gói	gói	tấn	tấn	tấn	kg	lít	lít	lít	tấn	viên	tấn	chiếc	
1	Huyện Krông Nô	-	49.000	196.000	19.600	-	-	-	-	-	20	196.000	49	-	-
2	Huyện Tuy Đức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Huyện Đắk Rlấp	840	5.800	-	-	-	15.500	750	1.300	700	-	1.310	2	8	TIỆP BIẾN LỚN
4	Huyện Cư Jút	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Huyện Đắk Mil	18.700	92.000	44.500	43.500	9.000	83.000	22.100	22.100	9.100	3	9.500	1	450	-
6	Huyện Đắk Song	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	-	11	53	-
7	Huyện Đắk Glông	15.200	15.200	20.300	20.300	320	20.000	4.000	4.800	-	-	-	-	-	-
8	Thị xã Gia Nghĩa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Cấp tỉnh	1.000	5.000	-	-	-	1.000	1.000	1.000	200	-	2.000	-	-	-

